

Biểu mẫu 05
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐINH TIÊN HOÀNG

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2021-2022

(Kèm theo TT36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	-Độ tuổi: học sinh sinh năm 2015. -Bản sao giấy khai sinh hợp lệ. -Địa bàn tuyển sinh: Có hộ khẩu thường trú trên địa bàn Phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức. -Chỉ tiêu tuyển sinh: Thực hiện theo Quyết định số 2053/KH-UBND ngày 31/5/2021 của UBND thành phố Thủ Đức về ban hành kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021-2022				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	-Thực hiện chương trình GDPT 2018. -Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006 của Bộ trưởng GDĐT và hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học. -HS khuyết tật học hòa nhập được thực hiện kế hoạch dạy học linh hoạt phù hợp với khả năng của từng cá nhân và Quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật. -Số tiết học: 7 tiết/ ngày. -Số buổi học: 10 buổi/ tuần (có tổ chức bán trú) -100% học sinh được học tiếng anh. -100% học sinh được học Tin học.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	- Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: + Phối hợp với gia đình trong việc quản lý, giáo dục HS và thực hiện những nhiệm vụ do nhà trường đề ra. + Nhà trường, GVCN, các GV bộ môn phối hợp với gia đình HS của lớp để chăm sóc, giáo dục HS tích cực, tự giác học tập, rèn luyện đạo đức, tuân thủ quy định của Điều lệ và nội quy nhà trường. + Giáo viên chú nhiệm chủ động trong việc phối hợp chăm sóc, quản lý, giáo dục HS. Gia đình HS chịu trách nhiệm đối với những sai lầm khuyết điểm của con em mình theo quy định của pháp luật và thực hiện kế hoạch của GVCN, của nhà trường. - Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh + Thực hiện nghiêm túc đầy đủ những yêu cầu của việc học tập, chấp hành tốt nội quy nhà trường có ý thức tự giác trong học tập, đi học				

		đều và đúng giờ, giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập. + Kính trọng, lễ phép thầy, cô giáo, nhân viên và người lớn tuổi, đoàn kết yêu thương giúp đỡ bạn bè và người tàn tật, khuyết tật. + Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. + Tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp, giữ gìn bảo vệ tài sản nơi công cộng, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. + Góp phần bảo vệ và phát huy truyền thống nhà trường.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	-Học sinh tham gia các hoạt động Đội thiếu niên tiến phong Hồ Chí Minh, được tham gia các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. -Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ đầu tuần theo đúng chủ điểm. -Sinh hoạt ngoại khóa 2 lần/năm học -Sinh hoạt chủ điểm các ngày lễ lớn. -Tổ chức các ngày lễ hội: Giỗ Tổ Hùng Vương, Trung thu, Tết nguyên đán, Lễ ra trường cho học sinh lớp 5... -Tổ chức hoạt động NGLL theo mục tiêu giáo dục của từng tổ, khối -Giáo dục truyền thống và rèn kỹ năng sống cho học sinh. -Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ: bóng đá, bóng rổ, cầu lông, mỹ thuật, aerobic... -Tổ chức học tập giao lưu với giáo viên bản ngữ (tiếng Anh Tăng cường, tiếng Anh Tích hợp)
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Về năng lực, phẩm chất: -100% HS được đánh giá đạt về năng lực, phẩm chất trở lên (Theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2016/TT- BGDĐT) Về học tập: -Trên 99 % HS hoàn thành chương trình lớp học (từ lớp 1 đến lớp 4) -100% HS lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học. Về sức khỏe: -100% HS có đủ sức khỏe theo học và được khám sức khỏe định kỳ hàng năm.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	-Học sinh lớp 1,2 đủ điều kiện để lên lớp đúng Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 về Ban hành đánh giá học sinh tiểu học. Học sinh lớp 3,4,5 đủ điều kiện để lên lớp đúng Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 về quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học. Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT 22/9/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học. ban hành kèm theo thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT.

Thành phố Thủ Đức, ngày 24 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG


Lê Tường Vân

Biểu mẫu 06
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÌNH TIÊN HOÀNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm 2020 - 2021
(Kèm theo TT36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1231	259	232	327	260	153
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1231	259	232	327	260	153
III	Số học sinh chia theo năng lực						
1	Tốt	1128	222	219	291	252	144
2	Đạt	97	34	12	35	8	9
3	Cần cố gắng	6	3	1	1	0	0
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất						
1	Tốt	1060	223	185	277	233	142
2	Đạt	172	36	48	50	27	11
3	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
V	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt	923	183	175	233	214	118
2	Hoàn thành	302	72	56	93	46	35
3	Chưa hoàn thành	6	4	1	1	0	0
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Hoàn thành chương trình lớp học	1225	255	231	326	260	153
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường	1097	184	215	293	255	150
b	HS được cấp trên khen thưởng	37	0	0	4	15	18
2	Chưa hoàn thành chương trình lớp học	6	4	1	1	0	0

Thành phố Thủ Đức, ngày 24 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Lê Tường Vân

Biểu mẫu 07
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÌNH TIỀN HOÀNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2021-2022
(Kèm theo TT36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/ số lớp	32	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	32	
2	Phòng học bán kiên cố		
	Phòng học tạm		
	Phòng học nhờ, mượn		
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (n?)	11.266.3	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	4.167	
VI	Tổng diện tích các phòng	3.363	
1	Diện tích phòng học (m ²)	80	
2	Diện tích thư viện (m ²)	125	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	384	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	14	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	72	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	144	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	14	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	36	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu có theo quy định	32	

1.1	Khôi lớp 1	6	
1.2	Khôi lớp 2	6	
1.3	Khôi lớp 3	6	
1.4	Khôi lớp 4	8	
1.5	Khôi lớp 5	6	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khôi lớp 1		
2.2	Khôi lớp 2		
2.3	Khôi lớp 3		
2.4	Khôi lớp 4		
2.5	Khôi lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	83	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/ lớp
1	Ti vi	32	
2	Cát xét		
3	Đầu video/ đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	
5	Bảng tương tác	2	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	108
XI	Nhà ăn	380

	Nội dung	Số lượng phòng học tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng chung cho giáo viên	Dùng chung cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/ nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	15		24		24
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0				

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 20/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối Internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website)	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Thành phố Thủ Đức, ngày 24 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Lê Lương Văn

Biểu mẫu 08
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÌNH TIỀN HOÀNG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường
Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Không Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	49		1	41	5	2								
I	Giáo viên	40		1	33	4	2	0	6	14	20	34	6		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	6		1	4	1				3	3	4	2		
3	Tin học	2			2				1	1		2			
4	Âm nhạc	1					1			1		1			
5	Mỹ thuật	1				1			1	1		1			
6	Thế dục	2			1	1				1	1	2			
II	Cán bộ quản lý	3			3						3	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
III	Nhân viên	5			3	1	1								
1	Nhân viên văn thư	1			1				1						
2	Nhân viên quản lý														
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	1													
5	Nhân viên thư viện	1				1			1						
6	Nhân viên thiết bị	0													
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1			1				0						
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
9	Bảo vệ, Phục vụ	4					4								

Thành phố Thủ Đức, ngày 24 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Lê Lương Văn